

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO HỌC SINH DÂN TỘC MIỀN NÚI Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG ĐỒNG LÀO CAI

○ ThS. NGUYỄN THỊ KIM NHUNG*

1. Lào Cai là một tỉnh miền núi nằm giữa vùng Đông bắc và Tây Bắc của Tổ quốc, gồm một thành phố và 8 huyện, 144 xã, 12 phường, 9 thị trấn, trong đó có 95 xã đặc biệt khó khăn. Năm 2009, dân số của Lào Cai là 615.620 người, với 25 nhóm ngành DT cùng chung sống, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 64,09% dân số toàn tỉnh. Phát huy tiềm năng và lợi thế trong việc phát triển công nghiệp, nông - lâm nghiệp, du lịch, thương mại..., sau 20 năm tái lập tỉnh, Lào Cai đã thu được những thành quả đáng tự hào trong việc phát triển KT-XH, đứng đầu cả nước về chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh; kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao; các hoạt động giáo dục, văn hóa, xã hội phát triển tích cực; các tệ nạn xã hội từng bước được ngăn chặn, đẩy lùi; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp nên đến nay Lào Cai vẫn còn là tỉnh nghèo, tỉ lệ hộ nghèo còn ở mức cao, tỉ lệ lao động đã qua DT thấp (38,38% - năm 2010), cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch tích cực, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Do vậy, để Lào Cai phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở tiềm năng và lợi thế rất lớn, chỉ có con đường duy nhất là đào tạo (ĐT) nguồn nhân lực đủ về số lượng và chất lượng, đặc biệt là DT người DTTS. Và trọng trách này phần lớn «đặt lên vai» các trường chuyên nghiệp tại địa phương, trong đó có trường cao đẳng cộng đồng (CĐCD).

2. Trường CĐCD Lào Cai là một cơ sở ĐT đa cấp, đa ngành có nhiệm vụ ĐT nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của cộng đồng địa phương. Sau hơn 10 năm hoạt động, Trường đã ĐT và liên kết ĐT gần 14 nghìn lượt người từ bồi dưỡng ngắn hạn, sơ cấp, trung cấp, CĐ, ĐH với hầu hết các ngành nghề về kinh tế, kĩ thuật, xã hội. Đặc biệt, số SV trung cấp chuyên nghiệp ngành Pháp lí và Nông nghiệp do nhà trường ĐT có tỉ lệ sinh viên dân tộc (SVDT) khá cao (78,4%), trong khi số SVDT của cả 8 ngành Kế toán, Du lịch, Trồng trọt, Chăn nuôi - Thú y, Pháp lí, Hành

chính văn thư, Tin học của toàn trường chỉ chiếm 45% tổng số SV. Đa số SV Pháp lí và Nông nghiệp sau khi tốt nghiệp nắm giữ các cương vị cán bộ lãnh đạo, CBQL, cán bộ khoa học kĩ thuật, cán bộ đoàn thể... tại các xã vùng cao, vùng DTTS của tỉnh Lào Cai, Lai Châu.

Xác định được tầm quan trọng của việc nâng cao số lượng và chất lượng ĐT SVDTTS trong việc phát triển KT-XH, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào ở vùng cao, vùng DTTS, nhà trường đã không ngừng tăng cường các giải pháp QL nhằm nâng cao chất lượng ĐT nói chung và đặc biệt là ĐT SVDT. Vì vậy, chất lượng ĐT SVDT không ngừng tăng lên, qua từng kì học của mỗi SV và tăng lên qua từng khoá SV. Kết quả được thể hiện phần nào qua bảng đối chiếu kết quả học tập kì I (đầu vào) và kết quả tốt nghiệp (đầu ra) của SVDT học trung cấp chính quy 8 lớp ngành Pháp lí và Nông nghiệp dưới đây (Nguồn: Phòng ĐT).

Kết quả	Tổng số	Xuất sắc		Giỏi		Khá		TBK		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
KI I	263					10	3,80	90	34	152	57,79	6	2,28	5	1,90
Tốt nghiệp	263			1	0,4	39	14,83	79	30	144	54,75				

Kết quả ĐT của nhà trường cho thấy: Nhà trường đã góp phần gia tăng đáng kể nguồn nhân lực qua ĐT (đặc biệt nhân lực là người DTTS), góp phần đa dạng hoá cơ cấu ngành nghề. Ngành Pháp lí và Nông lâm rất thiết thực cho vùng núi, vùng DTTS, ở các ngành này tỉ lệ SV là người DTTS rất cao, đáp ứng được một phần nhu cầu ĐT cán bộ cấp cơ sở về ngành ĐT và cơ cấu bộ máy cấp cơ sở. Chất lượng ĐT của mỗi SVDT tăng lên theo thời gian học tập tại trường và chất lượng tăng lên qua mỗi khoá SV. Cùng là 263 SV của 8 lớp, tỉ lệ SV khá, giỏi tăng từ 3,8% ở cuối kì I tăng lên 15,23% khi những SV này tốt nghiệp, đồng thời tỉ lệ SV trung bình giảm từ 57,79% xuống còn 54,75%, đặc biệt tỉ lệ SV yếu kém giảm từ 4,18%

* Trường Cao đẳng cộng đồng Lào Cai

xuống 0%. Đặc biệt hơn nữa, những SV tốt nghiệp trung học cơ sở khi vào trường nhiều em có thành tích học tập tăng rất nhanh, vượt qua cả SV đã tốt nghiệp trung học phổ thông. SV tốt nghiệp loại giỏi duy nhất trong số 263 SV là SV Pháp lí học hệ trung học cơ sở.

Kết quả ĐT của nhà trường rất đáng ghi nhận, đã góp phần tăng đáng kể số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (trong đó nhiều người là DTTS) trong sự phát triển của tỉnh Lào Cai trong những năm qua. Tuy nhiên, để hoàn thành trọng trách ĐT trong thời kì CNH, HĐH, góp phần phát triển KT-XH ở vùng núi, vùng DT, Trường CĐCD Lào Cai cần tăng cường hơn nữa các giải pháp QL nhằm nâng cao chất lượng ĐT SVDT.

3. Qua nghiên cứu lí luận QLĐT, thực tiễn tại Trường và địa phương, tác giả đề xuất 6 giải pháp QL nhằm nâng cao chất lượng ĐT SVDT tại trường CĐCD Lào Cai như sau:

1) **Tăng cường QL xây dựng chương trình ĐT, chương trình ĐT liên thông.** Giải pháp này nhằm xây dựng được những chương trình ĐT, chương trình ĐT liên thông đảm bảo tính khoa học; đảm bảo yêu cầu của ngành nghề; phù hợp với thực tiễn trong nước và địa phương; tiếp thu được kinh nghiệm của các nước trong khu vực; tạo điều kiện cho người học có cơ hội học tập suốt đời.

Tổ chức thăm dò nhu cầu ĐT từ phía người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương; quyết định ngành nghề ĐT trên cơ sở phân tích số liệu và dự báo cung cầu; tổ chức *Hội đồng xây dựng chương trình ĐT* đủ các thành phần từ GV, nhà QL đến chuyên gia trong các cơ sở ĐT, cơ sở sử dụng nhân lực sau ĐT... theo đúng quy trình từ dưới lên và được thẩm định chặt chẽ. Đầu mỗi khoá ĐT, tổ chức rút kinh nghiệm và chỉnh sửa chương trình ĐT.

Để thực hiện giải pháp này, cần có đủ đội ngũ GV cốt cán ở các bộ môn; tổng hợp được yêu cầu của ngành nghề, thực tiễn tại địa phương; có nguồn kinh phí đủ để chi, cung cấp đủ thông tin cho thành viên Hội đồng; có đủ kinh phí chi trả cho hoạt động của Hội đồng.

2) **Tổ chức tốt công tác tuyển sinh.** Đối với SV ở vùng núi, vùng DT, thông tin thường rất khó khăn. Do vậy, việc tiếp cận với thông tin ĐT, nhu cầu nhân lực theo ngành nghề đã rất khó khăn, việc quyết định con đường học hành của SV đối với bản thân SV và sự tham gia tư vấn của phụ huynh SV cho con em họ là rất khó. Giải pháp này nhằm cung cấp các thông tin, hiểu biết về ngành nghề ĐT đến với SV và phụ huynh SV; hướng

ng nghiệp góp phần phân luồng SV, tăng khả năng SV có việc làm ổn định sau khi tốt nghiệp.

Khi thực hiện giải pháp này, tổ chức cho tổ tuyển sinh tìm hiểu về ngành nghề ĐT, nhu cầu nhân lực của địa phương, xu hướng phát triển của nhu cầu nhân lực, sự phù hợp về khả năng của SV với các ngành nghề...; xây dựng nội dung tuyên truyền, quảng bá về nhà trường, ngành nghề ĐT, nhu cầu nhân lực, hướng nghiệp...; phối hợp với sở GD-ĐT, phòng giáo dục, các trường THCS, THPT và chính quyền địa phương trong việc hướng nghiệp để đưa thông tin tới từng SV và gia đình SV từ lớp 9 trở lên.

Để thực hiện thành công giải pháp này, nhà trường cần lập Tổ tuyển sinh có kinh nghiệm, năng động nhiệt tình, có trách nhiệm cao với cả nhà trường và cộng đồng; có nguồn kinh phí dành cho công tác tuyển sinh.

3) **Tăng cường QL các hoạt động dạy học.** Giải pháp này nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra đáp ứng được yêu cầu của ngành nghề, giúp nguồn nhân lực sau ĐT có khả năng tự học, có cơ hội được học lên các trình độ cao hơn. Tổ chức cho GV tìm hiểu chương trình ĐT, thực tế ngành nghề ở địa phương, đối tượng SV, các PPDH mới; tổ chức cho tập thể GV thảo luận, tìm ra cách tiếp cận với SV về tâm lí, đổi mới PPDH, cách xác định trọng tâm từng đơn vị kiến thức và yêu cầu đối với từng đối tượng SV, khai thác kinh nghiệm của SV, giúp SV tự tin và nâng dần yêu cầu để đảm bảo chuẩn đầu ra. Tăng cường trách nhiệm của phòng, khoa, GV bộ môn, GV chủ nhiệm lớp, cán bộ lớp, ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân SV, gắn với sự QL của chính quyền địa phương và phụ huynh SV.

Khi thực hiện giải pháp này cần thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV, giúp GV cập nhật phương pháp mới, tình hình thực tiễn của đất nước, của địa phương...

4) **Tăng cường QL nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế.** Tạo cơ hội học hỏi, nâng cao năng lực; hiểu biết lí luận, thực tiễn trong nước, kinh nghiệm quốc tế cho GV để có những bài giảng tốt, ĐT và hướng dẫn SV có chất lượng cao, đóng góp những giáo trình, tài liệu tốt phục vụ cho giảng dạy và học tập.

Hợp tác trao đổi giáo trình, tài liệu; trao đổi GV, SV; trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, học tập, tổ chức và QL các hoạt động của SV; tranh thủ sự giúp đỡ về CSVN. Công tác NCKH tập trung vào PPDH, nghiệp vụ GV, hệ thống bài tập, ngân hàng đề, nâng cao chất lượng ĐT...

các đề tài ứng dụng trong thực tiễn của các chuyên ngành.

Để thực hiện thành công giải pháp này cần được sự ủng hộ của chính quyền địa phương; Đội ngũ GV chủ động, tích cực học hỏi nâng cao trình độ, có GV đảm bảo yêu cầu về ngoại ngữ và chuyên môn; GV được tạo điều kiện về thời gian, CSVC phục vụ cho NCKH; thành tích của GV được tập thể ghi nhận.

5) **Tăng cường tổ chức huy động các nguồn lực về nhân lực, vật lực, tài lực đảm bảo chất lượng ĐT.** Đời sống của SV ở vùng núi, vùng DT hết sức khó khăn, nếu không có sự hỗ trợ về kinh phí, không có trang thiết bị hỗ trợ về học tập SV sẽ rất khó theo học. Giải pháp này sẽ giúp SVDT đảm bảo cuộc sống để theo học và giúp SV học tập tốt hơn. Nhà trường tổ chức huy động các nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ SVDT học phí, kinh phí ăn ở; hỗ trợ nhà trường trang bị CSVC, thiết bị dạy học, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về Trường làm công tác QL và giảng dạy.

Để thực hiện thành công giải pháp này, nhà trường cần có uy tín trong ĐT; tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa nhà trường với doanh nghiệp, các tổ chức, các ngành và chính quyền địa phương; có cơ sở khoa học về nhu cầu ĐT phù hợp với thực tiễn địa phương; có cán bộ có trình độ ngoại ngữ và hiểu biết nhất định về các tổ chức phi chính phủ...

6) **Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá (KT, ĐG) công nhận kết quả ĐT, cấp bằng và theo dõi việc làm.** Giải pháp này góp phần thúc đẩy quá trình học tập của SV, tạo hứng thú học tập, tiếp tục rèn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm một cách hiệu quả; giúp GV tự ĐG, rút kinh nghiệm và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; giúp nhà trường ĐG, cải tiến quá trình ĐT nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu ĐT nguồn nhân lực.

Tổ chức KT, ĐG định kì, học phần, tốt nghiệp nghiêm túc, đảm bảo khách quan; thường xuyên đổi mới phương pháp KT, ĐG từ hình thức tự luận, trắc nghiệm khách quan, thực hành, vấn đáp... đến phối hợp các hình thức KT, ĐG; Tổ chức theo dõi việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, lấy ý kiến phản hồi từ phía nhà sử dụng nhân lực và cựu SV.

Để thực hiện thành công giải pháp này cần thống nhất quan điểm, tư tưởng chỉ đạo từ Ban giám hiệu nhà trường đến các phòng, khoa chuyên môn và GV; số lượng đề đủ lớn; có phần mềm

trộn đề trắc nghiệm khách quan; nhóm GV cùng chuyên môn nhiều hơn hai GV. SV được thông báo rõ ràng về nội dung ĐT, hình thức KT, ĐG định kì, học phần, tốt nghiệp. Phân cấp theo dõi cấp bằng và việc làm của SV rõ ràng; sử dụng kết quả theo dõi để cải tiến QL quá trình ĐT.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, giải pháp QLĐT nâng cao chất lượng ĐT là yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Các giải pháp QL nâng cao chất lượng ĐT SVDT có quan hệ biện chứng, tương hỗ lẫn nhau, do vậy cần thực hiện đồng bộ 6 giải pháp nói trên. Thực hiện tốt QLĐT nâng cao chất lượng ĐT SVDT ở các cơ sở ĐT, đặc biệt là các trường ĐCĐ là góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển KT-XH bền vững ở vùng núi, vùng DTTS. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Kế Hào. **Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và xu hướng phát triển.** NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2008.
2. Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo. **Quản lý giáo dục.** NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2011.
3. Ngô Tấn Lực. **Luận cứ khoa học của việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo liên thông trong trường cao đẳng cộng đồng và với trường đại học.** Luận án tiến sĩ, 2009.
4. Phạm Thành Nghị. **Quản lý chiến lược và kế hoạch trong các trường đại học - cao đẳng.** NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2000.
5. **Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2009**
6. **Phương pháp lãnh đạo nhà trường hiệu quả.** NXB Chính trị quốc gia, H 2004.
7. Nguyễn Đức Trí. "Quản lý quá trình đào tạo trong nhà trường" (Bài giảng cao học chuyên ngành tổ chức và quản lý công tác văn hoá giáo dục). **Viện Nghiên cứu và phát triển giáo dục,** Hà Nội 2002.
9. UBND tỉnh Lào Cai. **Quy hoạch nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2020.**

SUMMARY

By studying the actual training results, the paper proposes some management solutions such as: Increasing the constructional management in training and accreditation programs; Well organizing the enrollment; Increasing the management of teaching activities; Enhancing the management of scientific research and international cooperation, Increasing the mobilization of manpower, material, and financial resources to ensure the training quality, the innovation of recognition's methods, the assessment and training test results, the licensing and monitoring work to improve the training quality for ethnic minority students at the Lao Cai's Community College.